

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 12-5- 2023

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Lan Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Sáu

2. Ông Đào Văn Vĩnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhựt, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh B tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 04/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Văn A, sinh năm 1988 (có đơn yêu cầu vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M1, xã Vĩnh H, huyện V, tỉnh B.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Kiều L, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M1, xã Vĩnh H, huyện V, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Phạm Văn A trình bày tại đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 12 năm 2022 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án: Ông Phạm Văn A và bà Nguyễn Kiều L xây dựng hôn nhân năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hưng P, huyện Phước L tỉnh B theo giấy chứng nhận kết hôn số 63/2009, cấp ngày 07/5/2009.

Quá trình chung sống có hai người con chung là cháu Phạm Quốc N1, sinh ngày 25/7/2010 và cháu Phạm Khánh N2, sinh ngày 24/9/2015. Hiện cháu N1 và cháu N2 đang sống cùng bà L.

Tài sản chung có 05 công đất trồng lúa tầm cây tọa lạc ấp M1, xã Vĩnh H, huyện V, tỉnh B. Ngoài ra, không còn tài sản chung nào khác. Phần tài sản chung, ông A với

bà L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên nhân ông A yêu cầu ly hôn với bà L là do cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn từ tiền bạc, bất đồng ý kiến, thiếu sự tin tưởng nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông A yêu cầu ly hôn với bà L. Về con chung, ông A đồng ý giao cháu Ninh và cháu Ngọc cho bà L tiếp tục nuôi dạy, chăm sóc, giáo dục. Ông A tự nguyện cấp dưỡng cho mỗi cháu số tiền 800.000 đồng/tháng đến khi cháu N1 và N2 đủ 18 tuổi.

Về phía bị đơn bà Nguyễn Kiều L trình bày: Bà L thống nhất lời trình bày của ông A về thời gian xây dựng hôn nhân, con chung, nợ chung. Riêng về tài sản chung, bà L xác định, bà và ông A chỉ có tài sản chung là 03 công đất trồng lúa tằm cấy tọa lạc ấp M1, xã Vĩnh H, huyện V, do ông A đứng tên quyền sử dụng đất, ngoài ra không còn tài sản chung nào khác. Bà L xác định, ông A tự bỏ nhà ra đi từ năm 2018 đến nay và hiện tại nộp đơn ly hôn với bà, bà L không đồng ý ly hôn, vì bà cho rằng bà không sai đối với ông A, con bà vẫn lo tròn. Giả sử có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông A đối với bà L, bà L yêu cầu nuôi con và yêu cầu ông A cấp dưỡng cho con mỗi cháu 2.000.000 đồng/tháng đến khi cháu N1, N2 đủ 18 tuổi. Về tài sản chung bà không tranh chấp với ông A; nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh B phát biểu việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông A đối với bà L; Về con chung: Đề nghị hội đồng xét xử giao cháu N1, N2 cho bà L tiếp tục nuôi dạy, chăm sóc, giáo dục. Ông A không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở Về cấp dưỡng nuôi con: Ông A có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Ninh, cháu Ngọc số tiền 800.000 đồng/tháng/cháu, đến khi cháu N1, N2 đủ 18 tuổi. Về tài sản chung tự thỏa thuận; nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Ông A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình và án phí cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ngày 19 tháng 12 năm 2022, ông Phạm Văn A nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn đối với bà Nguyễn Kiều L. Bà L có địa chỉ đăng ký thường trú tại ấp M1, xã Vĩnh H, huyện V, tỉnh B. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh B thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, ông A có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, riêng bà L đã được

Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần hai không rõ lý do nên Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt ông A và bà L theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Ông Phạm Văn A và bà Nguyễn Kiều L xây dựng hôn nhân năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hưng P, huyện Phước L, tỉnh B theo giấy chứng nhận kết hôn số 63/2009, cấp ngày 07/5/2009 nên hôn nhân giữa ông A và bà L là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3]. Ông A xác định trong thời gian chung sống, giữa ông A và bà L thường xuyên phát sinh mâu thuẫn từ tiền bạc, bất đồng ý kiến, thiếu sự tin tưởng nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Xét thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, ông A yêu cầu ly hôn với bà L. Phía bà L xác định, cuộc sống vợ chồng bà không có mâu thuẫn. Vào tháng 11/2018 ông A bỏ nhà đi không một lời từ giả. Ông A đi khoảng 3 đến 4 ngày thì có một người phụ nữ điện cho bà L và xác nhận là đang sống cùng ông A. Nay bà L không đồng ý ly hôn, vì bà cho rằng bà không có lỗi trong quan hệ hôn nhân với ông A. Tòa án có tiền hành xác minh bà Lai Thị H là mẹ ruột ông A. Bà H xác định, bà L là con dâu và đang sống chung với vợ chồng bà. Quá trình chung sống, ông A và bà L cũng có mâu thuẫn, gầy cãi nhưng chưa lần nào đánh nhau. Năm 2018, ông A bỏ nhà đi đến nay không về.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân tồn tại bền vững thì phải dựa trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng phải biết yêu thương, chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau cùng nhau xây dựng gia đình phát triển. Hôn nhân giữa ông A và bà L không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng đã phai nhạt, quá trình chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn này đã trầm trọng, ông A và bà L đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Ông A không còn tình cảm với bà L, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, ông A yêu cầu được ly hôn với bà L là có căn cứ, phù hợp với quy định Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông A đối với bà L.

[4]. Về con chung: Ông A và bà L có hai người con chung là cháu N1, sinh ngày 25/7/2010 và cháu N2, sinh ngày 24/9/2015. Hiện cháu N1, N2 đang sống cùng bà L. Quá trình làm việc tại Tòa án, ông A đồng ý giao cháu N1, N2 cho bà L tiếp tục nuôi dạy. Đồng thời bà L cũng yêu cầu nuôi cháu N1, N2.

Quá trình làm việc bà L không phối hợp nên không dẫn cháu cháu Ninh và cháu Ngọc lên Tòa án để Tòa án ghi nhận ý kiến của hai cháu về nguyện vọng sống với ai khi cha mẹ ly hôn; Sau đó, Tòa án đến nhà ghi nhận ý kiến cháu N1, N2 thì cháu N1, N2 đi học không có nhà nên không ghi nhận được ý kiến cháu N1, N2. Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao con cho ai nuôi là phải xem xét toàn diện, đầy đủ đảm bảo điều kiện cho con chưa thành niên. Để đảm bảo sự ổn định sinh hoạt, ăn ở, chăm sóc, nuôi dạy cháu N1, N2, do cháu N1, N2 đang sống cùng bà L nên cần tiếp tục giao cháu N1, N2 cho bà L tiếp tục nuôi dạy, giáo dục. Ông A không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình làm việc tại Tòa án, bà L yêu cầu ông A cấp dưỡng cho cháu N1, N2 mỗi cháu 2.000.000 đồng/tháng. Phía ông A chỉ đồng ý

cấp dưỡng cho cháu N1, N2 mỗi cháu 800.000 đồng/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy, bà L yêu cầu ông A cấp dưỡng cho con 2.000.000 đồng/tháng/cháu nhưng bản thân bà không chứng minh được thu nhập của ông A. Trong khi ông A xác định, ông A làm công nhân, thu nhập mỗi tháng khoảng 6.000.000 đồng. Từ đó, hội đồng xét xử cần ghi nhận sự tự nguyện của ông A, đồng ý cấp dưỡng cho cháu N1, N2 mỗi cháu 800.000 đồng/tháng đến khi cháu N1, N2 đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày xét xử sơ thẩm.

[6]. Về tài sản chung: Ông A và bà L xác định tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về nợ chung: Ông A và bà L xác định, quá trình chung sống không có tạo lập tài sản chung, không nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8]. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Ông A phải chịu 300.000 đồng, ông A đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0001383 ngày 09 tháng 01 năm 2023 được chuyển thu án phí.

Ngoài ra, ông A còn phải chịu án phí cấp dưỡng với số tiền 300.000 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi.

[9]. Từ những phân tích trên cần chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Phạm Văn A đối với bà Nguyễn Kiều L. Xử cho ông Phạm Văn A ly hôn đối với bà Nguyễn Kiều L.

2. Về con chung: Giao cháu N1, sinh ngày 25/7/2010 và cháu N2, sinh ngày 24/9/2015 cho bà Nguyễn Kiều L tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Hiện cháu cháu N1, N2 đang sống cùng bà Nguyễn Kiều L.

Ông Phạm Văn A không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Ông Phạm Văn A có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu N1, sinh ngày 25/7/2010 số tiền 800.000 đồng/tháng; cấp dưỡng cho cháu N2, sinh ngày 24/9/2015 số tiền 800.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày 12/5/2023 đến khi cháu N1, N2 đủ 18 tuổi.

* Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về tài sản chung: Ông A và bà L xác định tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về nợ chung: Ông Phạm Văn A và bà Nguyễn Kiều L xác định không nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

6. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Ông Phạm Văn A phải chịu 300.000 đồng, ông Phạm Văn A đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0001383 ngày 09 tháng 01 năm 2023 được chuyển thu án phí.

Ngoài ra, Ông Phạm Văn A còn phải chịu án phí cấp dưỡng với số tiền 300.000 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời gian 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B
- VKSND huyện V;
- THADS huyện V;
- Các đương sự
- Ủy ban nhân dân xã Hưng P
- huyện Phước L, tỉnh B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thụy Lan Chi